**ĐỊA LÍ KINH TẾ**

**\*-\*-\*-\***

**BÀI 20 -VIỆT NAM ĐỔI MỚI VÀ HỘI NHẬP .**

**SỰ CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ**

**II- SỰ CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ**

**1. CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU NGÀNH KINH TẾ: Atlat tr 17 – biểu đồ miền** ( hoặc hình 20.1)

**2. CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU THÀNH PHẦN KINH TẾ:** (Bảng 20.2)

**3. CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU LÃNH THỖ KINH TẾ:**

|  |  |
| --- | --- |
| **CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU**  | **Xu hướng chuyển dịch** |
| **NGÀNH KINH TẾ**  | **Atlat tr 17 – biểu đồ miền** \* Cơ cấu GDP phân theo KV kinh tế từ 1990 - 2007***có sự chuyển dịch*** theo hướng:+ Tỉ trọng khu vự*c*nông, lâm, thuỷ sản (Khu vực I ) ***giảm nhanh*** (giảm 18,4%)+Tỉ trọng khu vực CN và xây dựng ( khu vực II***)***  ***tăng nhanh*** (tăng 18,8%)**+** Tỉ trọng khu vựcdịch vụ (khu vực III***)*** ***giảm không đáng kể*** (giảm 0,4%)+ Tỉ trọng khu vực III chiếm ***khá cao nhưng chưa ổn định , gần đây tỉ trọng CN và XD chiếm ưu thế hơn***=>Sự chuyển dịch trên theo hướng tích cực, phù hợp với quá trình ***CN hóa, hiện đại hóa***. Tuy nhiên chuyển dịch ***còn chậm***.\* Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế thể hiện rõ ***trong nội bộ từng ngành***:  + Khu vực I: ***Giảm*** tỉ trọng nông nghiệp,***tăng*** tỉ trọng ngư nghiệp.  Trong nông nghiệp: ***Giảm*** tỉ trọng trồng trọt, ***tăng*** tỉ trọng chăn nuôi + Khu vực II: ***Tăng*** tỉ trọng CN chế biến, ***giảm*** tỉ trọng CN khai thác (trong từng ngành công nghiệp: Tăng tỉ trọng các sản phẩm cao cấp, có chất lượng và giảm các loại sản phẩm chất lượng thấp và trung bình). + Khu vực III: Chú trọng phát triển kết cấu hạ tầng và đô thị, phát triển dịch vụ viễn thông, tư vấn đầu tư, chuyển giao công nghệ…  |
| **THÀNH PHẦN KINH TẾ** |  (Bảng 20.2)\*Cơ cấu GDP phân theo thành phần kinh tế có sự chuyển dịch theo hướng:+ Thành phần kinh tế ***Nhà nước*** ***giảm tỉ trọng*** nhưng vẫn giữ vai trò chủ đạo + Thành phần kinh **tế *ngoài Nhà nước*** ***giảm tỉ trọng.*** Trong đó ***kinh tế tư nhân***tỉ trọng ngày càng tăng + Thành phần kinh tếcó vốn đầu tư nước ngoài ***tăng nhanh tỉ trọng,*** đặc biệt từ khi nước ta gia nhập WTO.=> Cơ cấu thành phần kinh tế có ***sự chuyển dịch theo hướng tích cực***, phù hợp với đường lối ***phát triển kinh tế hàng hoá nhiều thành phần*** |
| **LÃNH THỔ KINH TẾ** | \* Đã hình thành các vùng động lực ***PT kinh tế, các vùng chuyên canh, các khu CN tập trung , khu chế xuất với qui mô lớn*** =>dẫn tới sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế và phân hóa sản xuất giữa các vùng :- Đông Nam Bộ là vùng ***PT CN mạnh nhất,*** với giá trị SX CN chiếm **56 %** ***cả nước***- ĐBSCL là vùng trọng điểm ***sản xuất LT-TP;*** giá trị SX nông-lâm - thủy sản ***chiếm 41 % cả nước*** \*Cả nước đã hình thành 3 vùng kinh tế trọng điểm (Atlat tr 30)*+* Vùng kinh tế trọng điểm ***phía Bắc*** , ***miền Trung,*** ***phía Nam*** |

------------------/--------------

**VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ**

**NÔNG NGHIỆP**

----------

**BÀI 22. VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP**

**1. NGÀNH TRỒNG TRỌT:** chiếm 75% giá trị sản xuất nông nghiệp

**a- Sản xuất lương thực:**

**\**Ý nghĩa*:** (Vai trò)

- Bảo đảm ***lương thực cho nhân dân***

- Cung cấp ***thức ăn cho chăn nuôi***

- Nguồn hàng ***xuất khẩu***

- Cơ sở để ***đa dạng hoá sản phẩm nông nghiệp***

**\* *Điều kiện tự nhiên*:**

- Thuận lợi: ***Tài nguyên******đất, nước, khí hậu*** cho phép phát triển sản xuất lương thực phù hợp với vùng ***sinh thái nông nghiệp***

- Khó khăn: ***thiên tai, sâu bệnh.***

**\**Hiện trạng*: (Atlat)**

- Dieän tích gieo troàng luùa taêng töø 5,6 trieäu ha (1980) -> 7,5 trieäu ha (2002), 7,2 triệu ha

( 2007)

- Naêng suaát luùa taêng töø 21 taï/ha (1980) -> 49 taï/ha (hieän nay) do áp dụng thâm canh nông nghiệp, sử dụng các giống mới.

- Saûn löôïng luùa taêng töø 11,6 trieäu taán (1980) -> 36 trieäu taán (2007)

- Bình quaân löông thöïc coù haït hôn 470 kg/ngöôøi/naêm.

- Vieät Nam laø moät trong nhöõng nöôùc xuaát khaåu gaïo haøng ñaàu theá giôùi vôùi löôïng xuaát khaåu töø 3 – 4 trieäu taán/naêm.

**\**Phân bố:***

 - ĐBSCL là vùng SX ***lương thực*** lớn nhất nước ( hơn 50% DT và 50% ***sản lượng***  lúa cả nước).

 - ĐBSH đứng thứ hai, nhưng có ***năng suất*** lúa ***cao nhất nước***.

**b.Sản xuất cây công nghiệp và cây ăn quả:**

**# Cây công nghiệp**

***\* Vai trò****:*

- Sử dụng hợp lí tài nguyên đất, nước khí hậu .

- Sử dụng tốt hơn nguồn lao động nông nghiệp, đa dạng hoá nông nghiệp

- Tạo nguồn nguyên liệu cho công nghiệp chế biến

- Là mặt hàng xuất khẩu quan trọng...

**\**Điều kiện tự nhiên – kinh tế xã hội*:**

- Thuận lợi:

+ Tự nhiên: Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa ***nóng ẩm***, nhiều ***loại đất thích hợp*** với nhiều loại cây CN

+ KT – XH: ***Nguồn lao động*** dồi dào, mạng lưới ***cơ sở chế biến*** tăng.

- Khó khăn: ***Thị trường TG***  nhiều biến động, SP ***chưa đáp ứng*** yêu cầu của thị tr khó tính.

**\**Hiện trạng*:**

- Chủ yếu trồng cây ***CN nhiệt đới***, ngoài ra còn trồng một số cây ***cận nhiệt.***

- DT trồng cây CN tăng, nhất là cây CN lâu năm. (Tổng DT cây CN khoảng ***2667 nghìn ha*** – 2007-Atlat tr 19)

**\**Phân bố*:** (xem Atlat trang 18 ) kết hợp thêm tr 26,27,28,29

**- Cây công nghiệp lâu năm:** Cà phê, cao su, chè, hồ tiêu, điều, dừa ...

+ Cà phê: ***Tây Nguyên*** (nhiều I nước), ***ĐNB, BTBộ, Tây Bắc***

+ Cao su: ***ĐNB*** (nhiều I nước), ***Tây Nguyên, Bắc Trung Bộ***.

+ Chè: ***TD – MN Bắc Bộ*** (nhiều I nước), ***Tây Nguyên*** (Lâm Đồng) ,***Bắc Trung Bộ***.

+ Hồ tiêu: ***Tây Nguyên, ĐNB, Bắc Trung Bộ, Phú Quốc***

+ Điều: ***ĐNB, Tây Nguyên, DHNTB***

+ Dừa: ***ĐBSCL, Duyên hải Nam Trung bộ***

- **Cây công nghiệp hàng năm:** mía, lạc, đậu tương, đay, cói ...

+ Mía: ***ĐBSCL, ĐNB, Duyên hải Nam Trung Bộ***, ***TD – MN Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ***

+ Lạc: ***đồng bằng Thanh – Nghệ – Tỉnh, ĐNB, Tây nguyên (Đắc Lắc)***

+ Đậu tương: ***TD – MN Bắc Bô, Tây nguyên (Đắc Lắc), Hà Tây, Đồng Tháp***

+ Đay: ***ĐBSH, ĐBSCL***

+ Cói: ***ĐBSH(Ninh Bình), ĐBSCL(Cà Mau), BTBộ(Thanh Hoá,),....***

+ Bông vải: ***Tây nguyên,TDMNBB***

**# Cây ăn quả:** Gần đây phát triển khá mạnh : đồng bằng sông Cửu Long , Đông Nam Bộ, trung du Bắc Bộ . Các loại cây được trồng tập trung: chuối, cam, xoài, nhãn, vải thiều, chôm chôm và dứa.

**2. NGÀNH CHĂN NUÔI:**

**a\**Điều kiện sản xuất*:**

- Thuận lợi:

+ Cơ sở thức ăn ***bảo đảm tốt hơn*** (lúa, hoa màu, đồng cỏ, phụ phẩm ngành thuỷ sản, thức ăn công nghiệp)

+ Các dịch vụ về giống, thú y có nhiều ***tiến bộ và phát triển rộng khắp***.

+ Người dân có kinh nghiệm, thị trường tiêu thụ lớn...

- Khó khăn:

+ Giống gia súc, gia cầm cho năng suất ***còn thấp, chất lượng chưa cao***

+ Dịch bệnh vẫn ***đe dọa trên diện rộng.***

+ Hiệu quả chăn nuôi ***chưa thật cao và ổn định.***

**b\**Hiện trạng*:** (Tình hình sản xuất) (Atlat tr 19-Biểu đồ tròn)

- Xu hướng phát triển ngành chăn nuôi lên ***sản xuất hàng hoá*** (chăn nuôi trang trại theo hình thức công nghiệp ).

- Tỉ trọng ngành chăn nuôi trong giá trị sản xuất nông nghiệp ***từng bước tăng khá vững chắc.***

 + Lợn và gia cầm là ***nguồn cung cấp thịt chủ yếu***: Lợn cung cấp ¾ sản lượng thịt các loại.

 + Giá trị SX chăn nuôi gia súc, gia cầm và sản phẩm không qua giết thịt ***tăng mạnh.***

 + Các SP không qua giết thịt chiếm ***tỉ trọng ngày càng cao*** trong giá trị sx ngành chăn nuôi.

**c\**Phân bố*:** **( Atlat trang 18,19) + 27, 28, 29**

- Lợn và gia cầm: Nuôi tập trung ở ***ĐBSH và ĐBSCL.***